

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HC-ST

Ngày: 06-11-2018

V/v khiếu kiện quyết định hành chính và
hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hồng Phong và ông Bùi Xuân Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Cần - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2018/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 về khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 522/2018/QĐST-HC ngày 26-10-2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Hoàng Đức D; địa chỉ: Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Văn phòng Luật sư Nguyễn Thanh H, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Ông Trần Văn Đ; địa chỉ: Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mai T; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Phương H; địa chỉ: Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Đ; địa chỉ: Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

4. Những người làm chứng:

- Ông Hoàng Văn C; địa chỉ: Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt;
- Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-7-2018 của ông Hoàng Đức D (đơn được sửa đổi, bổ sung ngày 07-8-2018) và quá trình tố tụng giải quyết vụ án:

Ngày 04-5-2017, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 933/QĐ-UBND về việc thu hồi 6.307,2m² đất của hộ ông Hoàng Đức D khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Trạm biến áp 220kV Đắk Nông địa điểm: Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Ngày 04-5-2017, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 947/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Hoàng Đức D khi nhà nước thu hồi đất xây dựng Dự án: Trạm biến áp 220kV Đắk Nông, tuyến đường vào trạm biến áp 220kV Đắk Nông và móng trụ điện tuyến đường dây 22kV, địa điểm tại Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người khởi kiện không đồng ý với quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư này nên yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ và buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Hoàng Đức D khi nhà nước thu hồi đất xây dựng Dự án: Trạm biến áp 220kV Đắk Nông, tuyến đường vào trạm biến áp 220kV Đắk Nông và móng trụ điện tuyến đường dây 22kV, địa điểm tại Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Lý do khởi kiện: Đối với việc bồi thường về cây trồng: Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ có nêu cụ thể số lượng cây trồng, người khởi kiện đồng ý với số lượng cây trồng này. Tuy nhiên, số lượng cây trồng này so với diện tích bị thu hồi là 16.709,4m² (theo quyết định thu hồi đất số 933/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 và số 2261/QĐ-UBND ngày 16-8-2017) là vượt quá mật độ theo quy định tại Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 30-01-2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông. Do đó, người khởi kiện căn cứ vào Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 29-01-2015 và Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 17-8-2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông yêu cầu bồi thường thêm số tiền tương ứng với 40% tổng giá trị cây trồng chính.

Đối với yêu cầu hỗ trợ tái định cư: Ngoài diện tích đất 16.709,4m² đã bị thu hồi, trước đây gia đình ông Hoàng Đức D còn sử dụng 01 diện tích đất 420m², thửa đất số 71, tờ bản đồ số 06, địa chỉ tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, diện tích đất này gia đình ông D nhận chuyển nhượng từ ông Phan Văn T. Tuy nhiên, đến ngày 03-02-2014 ông D và vợ là bà Trần Phương H đã chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị L, địa chỉ tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; khi chuyển nhượng hai bên có viết giấy tay có xác nhận của trưởng thôn 12. Đến ngày 18-12-2017 thì việc chuyển nhượng mới được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Do gia đình ông D đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L vào năm 2014 nên tại thời điểm thu hồi diện tích đất 16.709,4m² thì gia đình ông D không còn đất và chỗ ở

nào khác tại Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên căn cứ vào khoản 4 Điều 29 quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 29-01-2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông thì gia đình ông D phải được hỗ trợ tái định cư.

Ý kiến của người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện Đ: Người bị kiện không thống nhất với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Lý lẽ, lập luận và các tài liệu, chứng cứ chứng minh tính đúng đắn, hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện: Đối với việc bồi thường về cây trồng: Việc kiểm đếm đã có lập biên bản, đối với số cây còn thiếu thì cũng đã làm việc với gia đình ông D để xác định lại và bổ sung vào phương án bồi thường nên sau khi đã ban hành Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, gia đình kiến nghị kiểm đếm thiếu là không có cơ sở để xem xét. Tại Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 16-8-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bổ sung và điều chỉnh giá đất) đã tính toàn bộ cây trồng được kiểm đếm là cây trồng chính, rất có lợi cho gia đình ông D, việc tính toán này đã được thống nhất với chủ đầu tư dự án. Đối với hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông D thì Ủy ban nhân dân xã N nhiều lần xác minh, có lập biên bản nhưng không thống nhất được gia đình ông D có nhà để ở khác tại xã N không nên không có căn cứ để xem xét tái định cư; tại biên bản lập ngày 30-8-2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, ông D cũng đã thừa nhận có 02 căn nhà để ở. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết đúng quy định pháp luật, bác đơn khởi kiện của ông Hoàng Đức D.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Phương H: Thống nhất với ý kiến của ông Hoàng Đức D, không có ý kiến khác.

Lời trình bày của người làm chứng bà Nguyễn Thị L: Bà L khai nhận diện tích đất 420m², thửa đất số 71, tờ bản đồ số 06, địa chỉ tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông được gia đình ông D nhận chuyển nhượng từ ông Phan Văn T, vào thời gian nào thì bà L không nhớ. Tuy nhiên, đến khoảng đầu năm 2014 ông D và vợ là bà H đã chuyển nhượng lại diện tích đất này cho bà L; khi chuyển nhượng hai bên có viết giấy tay có xác nhận của trưởng thôn 12; trên đất có 01 căn nhà vách gỗ, lợp tôn nhỏ do ông D làm để gia đình ông D ở (diện tích nhà cụ thể bà L không biết); giá chuyển nhượng là 80.000.000 đồng. Đến ngày 18-12-2017 thì việc chuyển nhượng mới được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Lý do nhận chuyển nhượng từ năm 2014 đến năm 2017 mới làm thủ tục đúng quy định vì ông D, bà H là cháu của bà L nên bà L không vội gì, thấy không cần thiết phải làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà ông D muốn làm khi nào thì làm, bà L không có ý kiến. Sau khi nhận chuyển nhượng năm 2014, bà L không có nhu cầu sử dụng nên vẫn để gia đình ông D ở nhờ cho con cái tiện việc học hành. Hiện nay, đã làm thủ tục xong, quyền sử dụng đất của bà L đối với diện tích đất này là hợp pháp, gia đình ông D đã chuyển đi chỗ khác; căn nhà để trống không ai ở.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện; người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện vẫn giữ quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều tuân thủ đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện giữ nguyên quyết định hành chính. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả việc tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và của những người tham gia tố tụng, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu: Ngày 04-5-2017, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 947/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Hoàng Đức D khi nhà nước thu hồi đất xây dựng Dự án: Trạm biến áp 220kV Đắk Nông, tuyến đường vào trạm biến áp 220kV Đắk Nông và móng trụ điện tuyến đường dây 22kV, địa điểm tại Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tại bản giải trình ngày 10-9-2018 (bút lục 62-64), biên bản lấy lời khai ngày 26-9-2018 đối với ông Lê Mai T của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông (bút lục 65), ông Lê Mai T cho biết Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ có nhận được đơn kiến nghị khiếu nại đề ngày 28-6-2017 của ông Trần Văn Đ (người đại diện theo ủy quyền cho ông Hoàng Đức D) vào ngày 03-7-2017 đối với Quyết định số 947/QĐ-UBND. Sau khi nhận được đơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ giao cho Thanh tra huyện Đắk R'Lấp ban hành Công văn số 133/CV-TTr ngày 03-7-2017 v/v xử lý đơn của công dân với nội dung: Việc khiếu nại của ông Trần Văn Đ không đủ điều kiện xử lý theo khoản 2 Điều 8 và khoản 4 Điều 11 Luật Khiếu nại 2011. Đồng thời, việc giao công văn này cho ông Trần Văn Đ trong tháng 7-2017, ngày cụ thể thì ông Lê Mai T không cung cấp được cho Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20-9-2018 đối với ông Trần Văn Đ của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông (bút lục 55), ông Trần Văn Đ khai nhận có đến Thanh tra huyện Đắk R'Lấp xin văn bản trả lời đơn không đủ điều kiện xem xét, giải quyết vào khoảng tháng 11-2017. Ngày 10-7-2018, ông Hoàng Đức D nộp trực tiếp đơn khởi kiện vụ án hành chính đề ngày 26-3-2018 đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính và điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết

số: 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29-7-2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 thì việc khởi kiện của ông Hoàng Đức D đảm bảo đúng quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính; điểm a khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 thì Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ là quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ:

[2.1.1] Đối với yêu cầu bồi thường thêm số tiền cho cây trồng xen vượt quá mật độ tương ứng với 40% tổng giá trị cây trồng chính:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-10-2018 đối với ông Trần Văn Đ của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông (bút lục 202), ông Trần Văn Đ đã được giải thích Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Hoàng Đức D khi nhà nước thu hồi đất xây dựng Dự án: Trạm biến áp 220kV Đắk Nông, tuyến đường vào trạm biến áp 220kV Đắk Nông và móng trụ điện tuyến đường dây 22kV, địa điểm tại Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đối với diện tích đất 6.307,2m² theo Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi 6.307,2m² đất của hộ ông Hoàng Đức D nhưng ông Trần Văn Đ không đồng ý.

Ông Trần Văn Đ cho rằng Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Hoàng Đức D đối với 02 Quyết định thu hồi đất số 933/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 (diện tích thu hồi 6.307,2m² – bút lục 78) và số 2261/QĐ-UBND ngày 16-8-2017 (diện tích thu hồi 10.399,3m² – bút lục 113) là không có căn cứ pháp luật vì Quyết định số 947/QĐ-UBND ban hành ngày 04-5-2017, Quyết định số 2261/QĐ-UBND ban hành 16-8-2017. Do đó, chỉ xem xét yêu cầu của ông Trần Văn Đ đối với số lượng cây trồng trên diện tích đất 6.307,2m² bị thu hồi được phê duyệt bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 947/QĐ-UBND.

Ông Trần Văn Đ khai nhận “Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ có nêu cụ thể số lượng cây trồng và tôi đồng ý với số lượng cây trồng này.” (bút lục 203), phương án này thể hiện có 197 cây cà phê kinh doanh năm thứ 3 trở đi và 265 bụi dừa trưởng thành (cao sản) trên phần diện tích đất bị thu hồi đường vào trạm là cây vượt quá mật độ quy định được tính bằng 40% tổng giá trị bồi thường đối với cây trồng chính trên cùng diện tích với số tiền là 47.813.600 đồng (=40% x(9.750.000đ+65.604.000đ+37.800.000đ+2.756.000đ + 3.624.000đ) là đúng quy định tại Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 17-8-2015 của Ủy ban

nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh mục 4 phần IV Phụ lục kèm theo Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 30-01-2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định tạm thời giá bồi thường cây trồng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã xem xét bồi thường đối với cây trồng xen vượt quá mật độ nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu bồi thường thêm số tiền cho cây trồng xen vượt quá mật độ tương ứng với 40% tổng giá trị cây trồng chính của ông Trần Văn Đ.

Đồng thời, theo yêu cầu của gia đình ông Hoàng Đức D đề nghị thu hồi hết diện tích đất còn lại do không thể tiếp tục canh tác, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ban hành Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 16-8-2017 về việc thu hồi 10.399,3m² đất của hộ ông Hoàng Đức D khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Trạm biến áp 220kV Đắk Nông (thu hồi bổ sung) và Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 16-8-2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Hoàng Đức D khi nhà nước thu hồi đất xây dựng Dự án: Trạm biến áp 220kV Đắk Nông, tuyến đường vào trạm biến áp 220kV Đắk Nông và móng trụ điện tuyến đường dây 22kV (bổ sung và điều chỉnh giá đất), địa điểm tại Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tại Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 16-8-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ nêu trên đã bồi thường tổng số cây cà phê kinh doanh năm thứ 3 trở đi là 1.828 cây và tổng số cây dừa trưởng thành (cao sản) là 530 cây (bụi) *(trong số lượng cây này bao gồm cả 197 cây cà phê kinh doanh năm thứ 3 trở đi và 265 bụi dừa trưởng thành (cao sản) trên phần diện tích đất bị thu hồi đường vào trạm là cây vượt quá mật độ quy định được tính bằng 40% tổng giá trị bồi thường đối với cây trồng chính trên cùng diện tích tại Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ)* với giá bằng 100% giá theo quy định tại Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 30-01-2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định tạm thời giá bồi thường cây trồng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Như vậy, Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 16-8-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đã thay thế Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về phần bồi thường đối với 197 cây cà phê kinh doanh năm thứ 3 trở đi, 265 bụi dừa trưởng thành (cao sản) nêu trên và đã được tính giá bồi thường là 100% giá bồi thường theo quy định. Đồng thời, căn cứ mục 3 phần IV Phụ lục mức giá các loại cây trồng (kèm theo Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Đắk Nông) quy định: “3. Trường hợp cây trồng có mật độ quá cao (trồng dày) so với mật độ định mức, thì hội đồng bồi thường được phép lấy giá trị bồi thường của diện tích cây trồng theo mật độ định mức để quy đổi.” và Điều 1 Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 17-8-2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định: “4. Đối với cây trồng xen trong vườn cây trồng chính, tổng giá trị bồi thường đối với cây trồng xen không vượt quá 40% giá trị bồi thường đối với cây trồng chính trên cùng diện tích (mật độ cây trồng chính theo quy định).” thì việc bồi thường của Ủy ban nhân dân huyện Đ là có lợi cho ông Hoàng Đức D.

[2.1.2] Đối với yêu cầu ông Trần Văn Đ cho rằng kiểm đếm thiếu nhiều loại cây trồng:

Tại biên bản kiểm kê ngày 07-3-2017 (bút lục 69-72) ông Hoàng Đức D thống nhất với số lượng cây trồng đã được kiểm đếm trên diện tích đất bị thu hồi. Sau khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ thì Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ đã gửi phương án cho gia đình ông Hoàng Đức D nhưng ông D không có ý kiến gì. Ngày 04-5-2017, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 947/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Hoàng Đức D khi nhà nước thu hồi đất xây dựng Dự án: Trạm biến áp 220kV Đăk Nông, tuyến đường vào trạm biến áp 220kV Đăk Nông và móng trụ điện tuyến đường dây 22kV, địa điểm tại Xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Ngày 16-6-2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ nhận được đơn kiến nghị về việc kiểm đếm cây trồng và Trung tâm đã ban hành Công văn số: 64/CV-TTPTQĐ ngày 20-6-2017 trả lời kiến nghị này là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Ông Trần Văn Đ cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 09-10-2018 đối với ông Trần Văn Đ của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông (bút lục 203), ông Trần Văn Đ thừa nhận *“Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ có nêu cụ thể số lượng cây trồng và tôi đồng ý với số lượng cây trồng này.”*. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của ông Trần Văn Đ.

[2.1.3] Đối với yêu cầu hỗ trợ tái định cư:

Tại biên bản kiểm kê ngày 07-3-2017 (bút lục 69-72) và Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ (bút lục 22) thể hiện trên diện tích thu hồi 6.307,2m² theo Quyết định thu hồi đất số 933/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, ông Hoàng Đức D không có nhà ở.

Đồng thời, Quyết định thu hồi đất số 2261/QĐ-UBND ngày 16-8-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi hết toàn bộ phần diện tích đất còn lại là 10.399,3m², trên diện tích đất này ông Hoàng Đức D cũng không sống trực tiếp trên căn nhà thu hồi, căn nhà này chỉ là nhà ở rẫy và không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở. Hơn nữa, ông Hoàng Đức D vẫn còn sử dụng 01 diện tích đất 420m², thửa đất số 71, tờ bản đồ số 06, địa chỉ tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Đối với thửa đất 71 này: Ông Trần Văn Đ khai nhận ngày 03-02-2014 ông D và vợ là bà Trần Phương H đã chuyển nhượng lại diện tích đất này cho bà Nguyễn Thị L, địa chỉ tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (giấy chuyển nhượng nhà đất – bút lục 206), khi chuyển nhượng hai bên có viết giấy tay có xác nhận của trưởng thôn 12, đến ngày 18-12-2017 thì việc chuyển nhượng mới được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và bà Nguyễn Thị L cũng thừa nhận nội dung này, khai nhận trên đất có 01 căn nhà vách gỗ, lợp tôn nhỏ do ông Hoàng Đức D làm để gia đình ông ở và sau khi nhận chuyển nhượng năm 2014, bà Nguyễn Thị L không có nhu cầu sử dụng nên vẫn để gia đình ông Hoàng Đức D ở cho con cái tiện việc học hành (tại biên bản lấy lời khai ngày 12-10-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông đối với bà Nguyễn Thị L).

Khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013 quy định về điều kiện thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất: “3. Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào Sổ địa chính.”

Điểm a khoản 1 Điều 18 và điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 19 Thông tư số: 23/2014/TT-BTNMT ngày 19-5-2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

“Điều 18. Nội dung xác nhận thay đổi vào cấp Giấy chứng nhận đã cấp

Nội dung xác nhận thay đổi được ghi vào cột "Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý" trên Giấy chứng nhận trong các trường hợp như sau:

1. Trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được ghi theo quy định như sau:

a) Trường hợp chuyển quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất, chuyển quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất bằng một trong các hình thức quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 17 của Thông tư này thì lần lượt ghi: hình thức (hoặc căn cứ) chuyển quyền; tên và địa chỉ của bên nhận quyền theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này (dưới đây gọi là tên và địa chỉ của bên nhận quyền); mã hồ sơ thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo quy định về hồ sơ địa chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi là mã hồ sơ thủ tục đăng ký). ”

“Điều 19. Cơ quan thực hiện việc xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp

1. Cơ quan thực hiện việc xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định như sau:

a) Trường hợp thay đổi quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Thông tư này và không thuộc trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này do Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận theo thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định...

2. Cơ quan quy định tại Khoản 1 Điều này ghi ngày tháng năm; ký tên, đóng dấu và ghi họ tên và chức vụ người ký vào cột "Xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền". ”

Căn cứ vào lời khai của ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị L và các quy định pháp luật đất đai nêu trên thì tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 947/QĐ-UBND là ngày 04-5-2017 thì ông Hoàng Đức D không đủ điều kiện tái định cư theo quy định tại Điều 29 Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số: 07/2015/QĐ-UBND ngày 29-01-2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (cụ thể là ông Trần Văn Đ cho rằng ông Hoàng Đức D phải được tái định cư theo khoản 4 Điều 29 của quy định này), vì theo quy

định tại Điều 29 Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số: 07/2015/QĐ-UBND ngày 29-01-2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông thì các trường hợp được giao đất tái định cư phải thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi.

Bên cạnh đó, tại biên bản lập ngày 30-8-2018 của Ủy ban nhân dân xã N, ông Hoàng Đức D có ý kiến *“...Tại thời điểm thu hồi trạm điện 220kV là gia đình có hai chỗ ở, vợ và con cái tôi ở tại căn nhà trên thửa đất số 71, tờ bản đồ số 06 còn tôi thì ở tại căn nhà thu hồi trạm điện 220kV để trông coi rẫy và chăn nuôi...Tôi đã nhận đủ tiền đền bù và hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật. Tôi không đòi hỏi thêm bất cứ khoản nào khác”* (bút lục 66). Tại biên bản lấy lời khai ngày 07-9-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đối với ông Hoàng Đức D (bút lục 49) thì ông Hoàng Đức D khai nhận lý do ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ là do quyết định này bồi thường thiếu 1.000 cây dừa cao sản trên diện tích đất 6.307,2m² (đơn giá quy định là 25.000đ/cây) và ông không có yêu cầu tái định cư cho gia đình; đồng thời ông Hoàng Đức D cũng khai nhận *“...tôi cam đoan khai trung thực, đúng sự thật, đây là lời khai tự nguyện của tôi, những lời khai của người đại diện theo ủy quyền của tôi nếu trái lời khai này thì đề nghị Tòa án không chấp nhận...”*

Như vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu hỗ trợ tái định cư của ông Trần Văn Đ.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Hoàng Đức D khi nhà nước thu hồi đất xây dựng Dự án: Trạm biến áp 220kV Đắk Nông, tuyến đường vào trạm biến áp 220kV Đắk Nông và móng trụ điện tuyến đường dây 22kV, địa điểm tại Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Việc thu hồi đất của ông Hoàng Đức D đã được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 và Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 16-8-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07-9-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đối với ông Hoàng Đức D (bút lục 49) thì ông Hoàng Đức D khai nhận lý do ông yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Hoàng Đức D khi nhà nước thu hồi đất xây dựng Dự án: Trạm biến áp 220kV Đắk Nông, tuyến đường vào trạm biến áp 220kV Đắk Nông và móng trụ điện tuyến đường dây 22kV, địa điểm tại Xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông là cùng lý do yêu cầu hủy Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 04-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ là do quyết định này bồi thường thiếu 1.000 cây dừa cao sản trên diện tích đất 6.307,2m² (đơn giá quy định là 25.000đ/cây) (đã được phân tích ở trên). Do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung khởi kiện này của ông Trần Văn Đ.

[3] Từ những phân tích, đánh giá đã nêu, xét thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Hoàng Đức D là không có căn cứ để chấp nhận, nên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Hoàng Đức D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69; khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 18 và điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 19 Thông tư số: 23/2014/TT-BTNMT ngày 19-5-2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Hoàng Đức D.

2. Về án phí: Án phí hành chính sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông Hoàng Đức D phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001297 ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh A.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự không có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND tỉnh A;
- Các đương sự;
- Lưu: THC, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Cảnh